

VÕ VĂN HÒE

Chi hội trưởng

Chi hội Văn nghệ dân gian Việt Nam thành phố Đà Nẵng

BIỂN ĐẢO DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NGƯ DÂN LÀNG CHÀI THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Tóm tắt:

Nhận thức về biển đảo của ngư dân làng chài Thanh Khê tp. Đà Nẵng, thông qua huyền thoại dân gian và các thành tố văn hóa nghệ thuật có tại địa phương, cho biết rằng nhận thức về biển đã được bắt đầu từ truyền thuyết và các thành tố văn hóa dân gian, phần nhiều là trong ca dao, vè.

Biển trong đời sống ngư dân làng chài ngày nay nhận thức về biển khác ngày xưa khi mà ông cha họ ra khơi đi biển. Các phương tiện hiện đại, giao lưu khu vực và quốc tế rộng mở, các phương tiện hỗ trợ về thông tin liên lạc, thăm dò biển đảo được ngư dân vận dụng vào trong quá trình đánh bắt hải sản từ biển. Nhưng ở họ, tâm linh vẫn là vấn đề cốt lõi của hành nghề trên biển. Trong hành nghề, mỗi gia đình nghề biển tạo nên tính thiêng và phàm theo cách nhìn của cá nhân chủ ghe vào thực tiễn.

Từ khóa:

Biển, biển Thanh Khê, Đà Nẵng, ngư dân, đánh bắt cá, tri thức dân gian tâm linh.

1. Thanh Khê xưa và nay:

Xưa: Nguồn gốc ra đời ghi trong tài liệu lưu trữ tại đình làng, các vị bô lão cho hay: *làng có từ năm 1613, Thanh Khê lấy từ địa danh khe Đò Dầu đặt tên cho làng. Khe Đò Dầu nhận nguồn nước từ làng Liên Chiểu, Xuân*

Thiều chảy xuống làng Hòa Mỹ ¹vào xóm Hòa Phú, xóm Phú Lộc,² chảy sang Thanh Khê rồi đổ ra vũng Thùng.



Bản đồ Thanh Khê, Đà Nẵng xưa (Internet)

Truyền thuyết kể rằng: Xưa kia nước biển dâng lên tận chân núi Phước Tường, để lại ra nhiều nông cát như đĩa úp, nước và cát chen nhau lênh lảng. Qua quá trình bồi đắp lắng tụ hình thành nên hai dòng nước chảy trên cồn cát trắng. Rồi dần dà qua nhiều giai đoạn đổi thay, nước rút để lộ ra hai thủy đạo chảy từ chân núi Phước Tường ra đổ vào Thanh Khê rồi ra biển. Một là: dòng Thanh Khê (nước trong xanh) và hai là: dòng Thạch Gián (dòng nước lớn). Tại vùng đất cuối khe đầu vũng này vào năm 1627, một lão nông họ Hồ tên Văn Oai ở tận Phước Châu xã, Nghi Xuân huyện Đức Quang phủ, Nghệ An trấn dân theo ba người con trai đi vào phương Nam những mong khai cơ lập nghiệp. Vào Nam đi đến một vùng rộng vừa có cát, vừa có khe nước chảy trong xanh (thanh Khê), bèn dừng chân dựng lều trại để ở khai khẩn đất hoang và đánh bắt hải sản ven bờ biển ngang sinh sống, dần theo đó con trai lão nông Hồ Văn

¹ Nay thuộc phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, tp. Đà Nẵng.

² Hòa Phú, Phú Lộc trước 1975 là đơn vị thôn.

Oai là Hồ Văn Tri chung tay với những tộc họ đến sau lập lên làng định danh tên làng là Thanh Khê làng.

Từ đó, dân tứ phương “*manh lệ chi đồ tứ tập*”³ đến định cư, thế rồi họ cùng chung tay phát triển làng, lấy nghề đánh bắt cá sông (Phú Lộc) và tôm cá biển tại vũng Thùng làm mưu kế sinh nhai.

Theo *Địa bạ triều Nguyễn*, làng Thanh Khê thành lập từ thời nhà Nguyễn, năm Gia Long thập tứ niên (1815) trên cơ sở 6 xóm: *Thanh Huy*⁴, *Thanh Thị*, *Thanh Hòa*, *Thanh Minh*, *Thanh An*, *Thanh Thủy*. Sau thành lập làng, dần biến đổi địa danh bao gồm 6 ấp thuộc 3 xứ đất là: *xứ Đình làng* có Thanh Phong, Thanh Thị; *xứ Cồn Trạm* có Thanh Minh, Thanh An, Thanh Thủy và *xứ Thanh Khê* chỉ có một ấp Thanh Hòa.

Làng Thanh Khê thành lập trên cơ sở tự nguyện của các lưu dân vào Nam khai phá đất đai, đầu tiên vào đất này là ông Hồ Văn Oai vào năm 1627. Thời Gia Long, *Thanh Khê xã, đông giáp Thạc Giản xã, Xuân An xã, Đông An phường, An Khê thôn lập cột đá làm giới. Tây giáp Phú Lộc xã, Bình An Trung xã, An Hòa xã, Hà Khê xã lập cột đá làm giới. Nam giáp Xuân An xã, lập cột đá làm giới. Bắc giáp Hòa Khê xã. Diện tích là 314 mẫu, 3 sào, 8 thước, 6 tấc, 7 phân. Đất hoang nhàn 121 mẫu, 9 sào, cát trắng 100 mẫu*”⁵ Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí* làng thuộc Bình Thái hạ tổng, Hòa Vang huyện, Điện Bàn phủ, Quảng

³ Chữ dùng của Nguyễn Trãi trong “*Bình Ngô đại cáo*”.

⁴ Trước năm 1975, xóm Thanh Huy thuộc Hòa Khê, huyện Hòa Vang.

⁵ Nguyễn Đình Đầu (2010), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – dinh Quảng Nam* (tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng).

Nam doanh. Ban đầu hoạt động kinh tế chủ yếu là đánh bắt hải sản vùng biển vũng Thùng (vịnh Đà Nẵng nay). Ngày 15/1/1901, dưới sức ép của thực dân Pháp, vua Thành Thái cắt thêm Thanh Khê xã cùng với các xã: *Xuân Đán xã, Bình Thuận xã, Đông Hà Khê xã* (Thanh Khê Đông nay), *Mỹ Khê xã, Thạch Gián xã, Yên Khê xã, Liên Trì xã, Xuân Hòa xã* của Hòa Vang huyện nhập vào thành phố nhượng địa Tourane. Từ năm 1956, cùng với việc thành lập một số xã mới trên địa bàn huyện Hòa Vang, chính quyền Ngô Đình Diệm đặt là thị xã Đà Nẵng, bao gồm 3 quận nội thành: *quận Nhứt, quận Nhì, quận Ba*, với 28 khu phố (tương đương đơn vị phường) Thanh Khê trở thành khu phố Thanh Khê, thuộc quận Nhì thị xã Đà Nẵng.

Tháng 10/1975, hai tỉnh Quảng Nam và thị xã Đà Nẵng nhập lại thành tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, thị xã Đà Nẵng nâng lên thành tp. Đà Nẵng thuộc tỉnh. Thanh Khê thuộc phường Thanh Lộc Đán. Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 tách Quảng Nam – Đà Nẵng thành hai đơn vị hành chính. Ngày 1/1/1997, tp. Đà Nẵng trở thành tp. Trực thuộc Trung ương, phường Thanh Lộc Đán thuộc quận Thanh Khê.

Thanh Khê chia thành hai phường Thanh Khê Đông và Thanh Khê Tây, thuộc quận Thanh Khê, tp. Đà Nẵng.⁶

Các vị bô lão tại làng Thanh Khê cho hay trong tài liệu “*Di tích lịch sử văn hóa tín ngưỡng làng Thanh Khê*”, rằng: *Thanh Khê là một làng, người dân chuyên nghề đánh bắt*

⁶ Xem: Võ Văn Hòe (2011), *Địa danh thành phố Đà Nẵng*, NXB Đà Nẵng, Mục Thanh Khê. Làng/xã/thôn (cũ).

và chế biến hải sản. Làng được hình thành từ thế kỷ thứ XVII. Vào năm 1806, vua Gia Long chia đất nước thành 23 trấn, 4 doanh thì làng Thanh Khê mang địa danh Thanh Khê xã, Hòa Vang huyện, Điện Bàn phủ, Quảng Nam doanh.

Nay: Quận Thanh Khê được thành lập ngày 23 tháng 1 năm 1997 trên cơ sở 10 phường: *Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây, Xuân Hà, Hòa Khê, An Khê, Thạc Gián, Chính Gián, Vĩnh Trung, Tân Chính, Tam Thuận*. Tọa độ địa lý: 16°23'21''B; 108°11'0'' Đ. Phía Đông giáp quận Hải Châu; phía Tây giáp huyện Hòa Vang; phía Nam giáp quận Hải Châu; phía Bắc giáp Vũng Thùng (vịnh Đà Nẵng). Diện tích: 9,36 km². Dân số: 178.447 người, chiếm 19,3 % dân số toàn thành phố. Mật độ dân số 19.064,85 người/km².⁷ Hiện tại, trước khi sáp nhập tỉnh Quảng Nam vào thành phố Đà Nẵng, Thanh Khê có ba phường cận biên: *Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây và Xuân Hà*.

Ngày 1/7 2025 sáp nhập Quảng Nam vào thành phố Đà Nẵng, Thanh Khê là một phường thuộc thành phố Đà Nẵng (bao gồm: Chính Gián, Thạc Gián, *Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây và Xuân Hà*).⁸

Làng Thanh Khê thời thuộc Pháp (A. tl)

⁷ Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng.

⁸ Trên cơ sở Đề án số 403/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng (mới) năm 2025. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định sắp xếp để thành lập các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng.



Trẻ em miền biển Đà Nẵng (A. tl)

Ngư dân miền biển Đà Nẵng (A. tl)



2. Biển Thanh Khê

Biển Thanh Khê có chiều dài bờ biển 4,3 km, chiếm 0,73 % diện tích toàn thành phố dọc theo 3 phường cận biển: *Thanh Khê Tây, Thanh Khê Đông, Xuân Hà* (sau ngày 1/7/2025 phường Thanh Khê vẫn còn 3 phường ven biển).

Bờ biển Thanh Khê không khúc khuỷu, đường cung hình móng ngựa ăn vào đất liền tạo nên vũng Thùng (vịnh Đà Nẵng). Đây cũng là vùng biển ngang kín gió, nên ghe thuyền có thể vào ra khe nước rộng 400 mét và có độ sâu để tránh gió, nhất là mùa mưa bão.

Trong quá trình phát triển, biển đã gắn liền với người dân vùng đất này ngay từ thời lập làng, kể cũng đã xa xưa trong lịch sử. Người dân Thanh Khê đã quen với biển đảo. Biển

đảo đã ghi đậm dấu ấn trong văn hóa của họ, vì thế họ nhận thức sâu sắc về biển đảo trong quá trình phát triển của mình. Và từ biển tạo nên nền tảng vững chắc để người dân các xứ: *xứ Đình Làng, xứ Cồn Trạm* và *xứ Thanh Khê* xưa – nay tiếp tục duy trì và phát huy truyền thống của những lớp người đi trước tiên phong đứng trên đầu sóng ngọn gió, nối liền dải đất *biển – đồng bằng – núi rừng* để phát triển và đồng thời hội nhập với các quốc gia khu vực Đông Nam Á và thế giới.

3. Nhận thức về biển

Từ xưa, biển đã đi vào tâm thức người dân Thanh Khê như một thực thể không thể tách rời, sự phát triển của con người vùng đất này được gắn kết trong mối quan hệ đồng bằng, rừng núi và biển đảo. Do đó trong tâm thức của họ, biển đảo như một phần không thể tách rời trong cuộc sống:

– ...*Rừng cao rừng thấp mấy tầng núi xanh*

Đông thì biển rộng mênh mông...

...Em nay nuôi lợn nuôi gà

Còn anh bám biển sớm chiều

Ra khơi vào lộng đủ điều chăm lo...

– *Những ai lo việc biển Đông*

Nhìn trời trông gió mà dong cánh buồm.

Người Thanh Khê trên bước đường lập nghiệp đã dựa vào dòng sông Phú Lộc, vào biển để tồn tại và đồng thời

cư dân ven biển lấy môi trường biển là phương kế sinh tồn và phát triển. Các dân vạn, làng chài lấy biển làm nơi sản xuất trong quá trình mưu sinh, theo đó, biển đảo là nguồn gốc của sự thăng hoa, tạo nên văn hóa gắn với biển. Đó là văn hóa biển. Bờ biển dài 4,3 km, kéo từ *Thanh Khê Tây qua Thanh Khê Đông đến hết Xuân Hà* của quận đã tạo nên không gian biển rộng lớn, tạo nên một khoảng biển trời yên gió, và đồng thời những bãi cát Thanh Khê, Thanh Bình đẹp ven bờ là những bãi tắm, là thắng cảnh “mẹ thiên nhiên” ban tặng. Dọc theo bờ biển, vũng gắn liền với biển theo cách nhìn biển cả - đồng bằng nên không chỉ những câu ca dao, vè,... mà còn chuyện kể dân gian về biển cũng thể hiện biển gắn với tâm thức người dân: – *Bắc Thừa Thiên giáp Hải Vân...Đông thì biển rộng mênh mông/ Đất đai trăm dặm rành rành như ghi*. Biển rộng cho nên: *Cá chuồn nhiều nhất Thanh Khê / Tân Lưu quê bạn cũng nghề biển Đông*.

50 năm qua, sau ngày hòa bình, thống nhất đất nước, nguồn sáng văn hóa dân gian Thanh Khê vẫn tiếp tục tồn tại và tỏa sáng. Nhiều công trình nghiên cứu về biển, về nghề đánh bắt cá, về đời sống người đi biển,... Nhiều bài báo viết về nghề đi biển, lễ hội cầu ngư, nước mắt Nam Ô,...đã tạo dấu ấn cùng với Thọ Quang (Sơn Chà), hình thành nền văn hóa biển đảo của Đà Nẵng. Đặc biệt tác phẩm viết về biển đảo Đà Nẵng như: “*Ngôn ngữ miền biển Đà Nẵng*” (Đinh Thị Trang), “*Văn hóa biển Đà Nẵng*” (Phan Thị Kim), gần đây có tác phẩm “*Văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng*” (Võ Văn Hòe chủ biên, NXB Đà

Năng, 2018) đã phát họa tương đối rõ nét chân dung văn hóa biển Đà Nẵng với phong tục, tập quán con người miền biển, ẩm thực biển, nhà ở, sự hình thành các vịnh trên sông Hàn,...nhưng chúng tôi nhìn nhận vẫn chưa toàn bích. Trong tác phẩm này vẫn còn mảng văn hóa tín ngưỡng dân gian chưa được đề cập đến. Mặc dầu trước đó đã có tác phẩm “*Tín ngưỡng miền biển Đà Nẵng*” (Nguyễn Thị Xuân Hương), ở đó chỉ đề cập đến việc thờ cúng của ngư dân, các bài văn cúng tế thần Nam Hải có tính định tính mà chưa đề cập đến yếu tố tâm linh đối với mỗi chủ gia đình hành nghề biển và quan niệm tâm linh của gia đình họ về thực hành nghề nghiệp trên biển.

Người miền biển nhìn nhận rằng: biển bao la rộng lớn, hiền hòa và êm ả, biển như cái sân nhà lúc ráng hoàng hôn và lấp lánh vào mỗi bình minh nên biển quen thuộc với dân làng chài ven biển. Ở đó, họ có “*biển một bên và em một bên*”. Biển luôn mang lại cho họ sự no đủ, cuộc sống theo đó được phong phú nhiều mặt, bởi biển mang lại cho họ nhiều loại tôm cá, có loài mang lại giá trị kinh tế cao như *chim, thu, ngừ, mú*. Do vậy, họ chèo ghe ra biển khơi, ra lộng không chừng, chỉ là ước đoán, họ nằm bên mạn ghe mà hát nghêu ngao chờ cá tôm vào lưới kéo vào, ca rằng: *Đêm nằm giữa mặt trông sao/ Trông cho biển lặng cá vào đây ghe*. Hoặc, ghe chạy thẳng một lèo ra ghềnh đá dưới chân núi Hải Vân, ngư dân Thanh Khê đã có thể tươi cười sảng khoái mà rằng: *Sơn hào hải vị là đây rồi chớ đâu nữa, làm cho người tứ phương: Rủ nhau mua tép Thanh Khê/ Sẵn bờ cát trắng phơi khô mang về*.

Theo đó, trong tâm thức người dân luôn nương vào biển đảo, hòa hợp với biển như một phần của mình không thể tách rời ra được. Sự gắn bó với biển, dấu ấn của biển đảo thể hiện trong chuyện kể dân gian tại xứ Quảng mà “*Huyền thoại Ngũ Hành Sơn*” là một cách lý giải sự xuất hiện của đất đai, sông biển vùng này. *Cô gái xinh đẹp như tiên trong huyền thoại là tượng trưng cho những con người sinh ra tại vùng đất này và đó chính là con đẻ của Rồng Vàng đến từ biển cả.* Những người đi khai phá đất đai, gắn với biển, đây chính là hình tượng phát sinh từ huyền thoại về nguồn gốc dân tộc Việt mà người xứ Đà Nẵng là một bộ phận của dân tộc đó.

Ra biển, lấy môi trường biển làm mưu kế sinh tồn, nhưng không phải lúc nào biển cũng yên lặng mà có lúc dịu êm, lại có lúc dữ dằn và mãnh liệt, sẵn sàng chôn vùi xuống biển những ai không tuân theo quy luật vĩnh hằng của biển: – *Anh đi ba bữa chưa về / Biển xa sóng dữ chớ hể ở lâu. – Năm canh chẳng biết canh nào / Nằm nghe sóng biển lao xao trong lòng / Từ ngày thiếp bắc chàngh đông / Thuyền kia chẳng lại hết mong lại chờ. – Ra đi bữa có, bữa không / Lạy trời đừng để tố giông cho mình. – Một ngày ba bảy trận giông / Anh đi câu mực sao không thấy về. – Trông ra ngoài biển mù mù / Biết anh câu mực, câu đù mà thương. – Nghèo mà nghề ruộng cũng ưng / Giàu mà nghề biển hồn treo cột buồm,...*

4. Ra biển

Tri thức dân gian về bắt cá biển có chỗ đúc kết rằng:

– *Chớp đông nhay nháy gà gáy thì mưa;*

- Mò kim đáy biển;
- Thương em vì cá trích ve / Vì rau muống luộc vì mè trộn măng.
- Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông;
- Trời sương mù nhiều cá thu cá bẹ;
- Leng lao, lẹp nháy, chuồn bay, ...v.v...để có thể đánh bắt được nhiều cá tom.

Tuy nhiên không phải lúc nào biển cũng yên ả mà đôi khi dữ dội, nghiệt ngã trong cái thất thường của thời tiết. Bài về Chanchu (2006) ghi lại nỗi lòng lo lắng khi lên đênh trên biển: (...) *Nửa đêm sóng gió toì bời*

*Tàu chìm xuống rã rời tay chừn
 Thôi thì làm ăn có cái rủi cái may
 Em cố giữ gìn sức khỏe dạy bà cho các con
 Ngày anh trở về đây chỉ có quan hòm
 Trên bàn thờ bóng hình anh em thờ đó
 (Chớ) phẩn son em chớ xài
 Anh đi chuyến ni gặp cơn bão quá thiên tai
 Chớ xác anh trôi dạt ở bên Đài Loan đây
 Hết bão rồi trời lại tan mây
 Tàu Hải quân cứu hộ vớt bảy tám thây thình rồi
 Vớt lên mổ ruột sợ hôi
 Bỏ bao ny lon ướp muối thôi rồi còn chi
 Anh thiết thể rằng quyết anh đi chuyến ni
 May thì kiếm năm mười triệu phòng khi trong nhà
 Thôi thì hồn anh thơ bóng anh ngã Bà
 Xa con lìa vợ anh xót xa vô cùng*

*Ai dè cơn bão quá hung*⁹ (...)

Xưa kia ngành khí tượng thủy văn chưa phát triển, việc dự báo thời tiết chưa đúng nên dân vạn làng chài trông cậy vào kinh nghiệm đi biển dần trở thành tri thức của họ về biển và trông cậy vào quan niệm *tín ngưỡng tâm linh* của mình để tồn tại trong sóng gió biển xa. Do đó, với dân vạn làng chài việc kiêng cử khi ra khơi là việc không phải tìm hiểu nguyên nhân, vì nguyên nhân được giấu kín trong tâm thức, bởi mang tính thiêng liêng, ma thuật nên việc thể hiện kiêng cử trước và đang khi đi biển được hiểu là chuyện thể hiện ra trong đời sống hiện thực, vừa mang yếu tố cổ truyền, đồng thời có yếu tố của đạo giáo đan xen trong suốt những ngày hành nghề trên biển.

Từ đó, họ đã tạo nên một (hay nhiều) không gian thiêng đan xen với không gian phàm trong đời sống thực của ngư dân. Không gian thiêng là nơi, vùng được chỉ định làm thoát ra khỏi không gian thuần nhất của vũ trụ và cuộc sống phàm tục của ngư dân. Không gian thiêng đó được mặc định như là chỗ (vùng) đi – về – lao động – làm ăn trên biển hay đang khi thực hiện quá trình chuẩn bị trong mỗi gia đình ngư nghiệp. Tại không gian này luôn là niềm hy vọng cho những bước đi sau đó của ngư dân trên biển và cả một đời ngư phủ. Do vậy mà khi ngư phủ đang trong không gian phàm tục, chuyển sang không gian thiêng đan xen nhau thì bấy giờ không gian thiêng mà ngư dân tạo ra tại nhà hay cộng đồng đều được nâng lên một bước khác

⁹ Trích về Bão Chanchu, 28/5/2006. Ghi tại Nam Ô, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, 2015. (Người cung cấp là trung niên không cho biết tên, tuổi).

về chất so với không gian phàm tục thường ngày. Trong không gian linh thiêng, ma thuật này là sự kiện ghi nhớ của nghề nghiệp đánh bắt cá tôm, ... trên biển.



Ngư dân tẩy uế sau khi nhuộm màu (A: Nguyễn Quang) Tháng 8 Al. ngư dân làm lễ tạ hồi

Có thể tại một không gian thiêng ngư dân tổng cói, phong long theo kiểu của các vị đạo sĩ (trước khi đưa thúng rái, ghe mới, lưới mới, bươm mới,... đan xong xuống biển, thường phải thỉnh mời các đạo sĩ làm trung gian tổng khứ tất cả mọi ô uế ra khỏi dụng cụ vừa mới tạo tác nên). Để ra biển đánh bắt hải sản, ngư dân hòa mình vào không gian thiêng, những nơi thiêng trên tàu được kiêng kỵ, xem là nơi thần Nam Hải hay thần Hà Bá ngự trị. Vị trí (nơi) được cho là linh hiển. Một khúc sông, một vùng biển tự nó được ngư dân xem là vùng thiêng của ngư phủ đang hành nghề trên sông, trên biển. Một ghe câu, ghe rở của các vạn chài, nơi ở đó ngư phủ được sinh ra, lớn lên nhờ bọt nước là không gian thiêng chen lẫn với không gian phàm tục. Thế nên, mọi kiêng kỵ của ngư dân từ trong nhà ra đến biển vào mùa đánh bắt cá có sự đan xen thiêng và phàm mà mọi thành viên trong nhà hay cộng đồng vạn đều phải tuân thủ, giữ

gìn cho nhau để cuộc mưu sinh trên biển được mát mái xuôi chèo. Không gian đó phải được cộng đồng ngư dân tôn trọng và ý thức giữ gìn không chỉ cho mình mà còn cho người hàng xóm. Do vậy mà tạo nên tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, chung tay ra sức sẻ chia những thuận lợi và cả khó khăn, những gia đình dân vạn làng chài luôn chung lưng đấu cật, những con người chia sẻ khó khăn trong đời để tìm kiếm sự trường tồn cho mai sau cả những người trẻ tuổi kế nghiệp.

5. Vai trò của niềm tin trong việc ra quyết định của ngư dân

Ngư dân viện dẫn thần linh để đưa ra quyết định cho công việc của nghề đánh bắt cá là tâm thức tín ngưỡng tôn giáo. Thần linh ở đây là thần Nam Hải. Thần linh của làng cá là thần Nam Hải, thần Tứ vị Thánh nương, thần Thiên Y A Na (họ không căn cứ vào giấc mơ như người miền núi để đưa ra quyết định). Đối với các làng cá không có thầy cúng, người làm nghề cá phải truy tìm vị thầy cúng từ làng khác đến để thực hiện liệu pháp về nghi lễ đảm bảo được lòng tin để họ giữ lấy niềm tin sau đó họ mạnh dạn ra quyết định cho nghề. Bởi, như đã nói *làm ăn có cái rủi cái may*, theo đó may – rủi là tính hai mặt trong hành vi ứng xử với nghề. May – rủi theo ngư dân không phải là mâu thuẫn đối kháng mà chỉ là sự diễn ngôn trong gia đình và xã hội, là cặp phạm trù luôn luôn có hai mặt của một vấn đề. Hoặc may. Hoặc rủi. Vậy thôi. Nhưng để hiện thực nghề cá với cái may rủi của một ngư dân, họ dựa vào yếu tố may – rủi – hên – xui

để đạt được nguyện vọng sau khi tìm đủ các yếu tố để ra quyết định ra khơi, đi lộng. Thế nên, các dụng cụ đánh bắt cá vào lúc thực hành nghề nghiệp trở nên linh thiêng trong niềm tin của người đi biển. Niềm tin và tính thiêng đó được đặt trong không gian thiêng cắt ra từ không gian vũ trụ dịch chuyển theo cùng với quá trình hành nghề, từ nhà ra biển và cả khi đưa bộ đồ nghề xuống biển bắt cá. Niềm tin của việc ra quyết định phải được kiêng kỵ để tránh may rủi để đạt hiệu quả lớn, là cách giữ cho quyết định của chủ ghe, chủ nhà hay cộng đồng làng cá có hiệu lực, có hiệu quả.

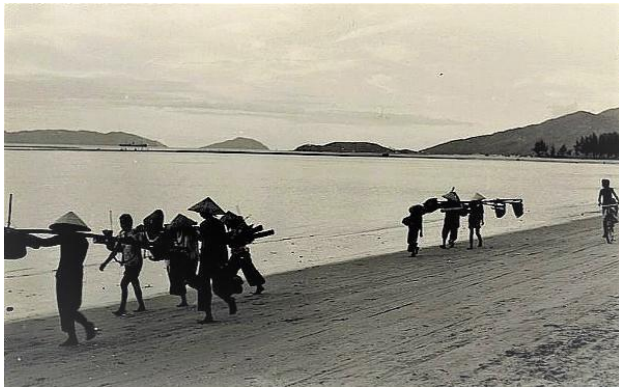
May – rủi – hên – xui – kiêng – kỵ (không phải mê tín dị đoan) tồn tại lâu đời trong cộng đồng làng cá tạo tâm lý tâm linh trong gia đình và cộng đồng làng cá. Kiêng kỵ bao trùm và lúc hành nghề trên biển, từ đó ngư dân tự tạo nên không gian thiêng cho kiêng cử là quyết định tồn tại đảm bảo cho gia đình, cộng đồng ngư dân được trường tồn, tránh được rủi ro. Vì thế, quan sát từ bên ngoài những hoạt động của ngư dân miền biển không thể không nghĩ đến sự kiêng cử của họ. Đây không phải là sự mê tín mà là sự lựa chọn để mong tồn tại. Và đây cũng là nhân sinh quan, vũ trụ quan khi ngư dân thoát khỏi đời sống trong không gian phạm tục để hội nhập với không gian thiêng do các vị thần biển tạo ra và họ khu trú tại đó với tâm thế là người trong cuộc. Ngư dân thể hiện sự thừa nhận không gian thiêng hay không gian phạm tục qua các loại nghi lễ và đến lượt họ tự dần thân một cách thành kính vào các loại hình nghi lễ đó như: *lễ hội cầu ngư, lễ vía Bà, thực hành nghi lễ với những người tiền bối, ông bà tổ tiên họ*. Đứng trước hai mùa cá

Nam, cá Bắc, nghi lễ thể hiện tính thiêng là sự khởi đầu của mỗi người, mỗi gia đình, và của cộng đồng ngư dân miền biển.

Vấn đề đặt ra là vùng biển từ Nhật Bản, Hàn Quốc đến Việt Nam, vịnh Thái Lan, Myanmar, ven biển Tây Visayas, miền Trung Philippines, Bengal, biển quanh nhóm đảo Lau – Fiji nghi lễ cúng biển của họ thế nào? Họ có kiêng cử gì không để đảm bảo chủ ghe ra quyết định đi khơi không gặp xui – gặp rủi.?

Ghe tàu của người đi biển luôn là chốn linh thiêng trên biển cả. Ghe tàu giống như căn nhà của người sinh sống trên cạn. Mũi tàu là điểm thiêng, nơi linh thiêng nhất, nơi đó có thần biển tọa ngự, tại điểm này, thần sẽ giúp cho ghe tàu đi đúng hướng, tránh hiểm nguy, nên dân vạn ký đàn bà, con gái đến gần, hoặc sờ vào mũi ghe tàu lại càng cấm kỵ. Nhưng khi ra khơi hành nghề, không gian mũi tàu có thể là không gian phạm tục.

Khi đi ra biển, dân vạn, làng chài muốn tìm đến sự an lành cho nên trong cái nhìn của họ cái gì trái với điều ước muốn của họ, luôn phải kiêng dè là biện pháp phòng tránh theo cách nghĩ *có kiêng có lành*. Kiêng cử đôi khi trở thành cấm đoán được dân vạn làng chài tin theo và thực hiện, thể hiện qua các nghi lễ hoặc không. Có nghi lễ như lễ cầu ngư, còn những kiêng cử khác, theo thói quen phải thực hiện hằng ngày. Các nhà nghiên cứu văn hóa cho rằng những kiêng kỵ của cư dân vùng biển đã được dân vạn làng chài hình thành và tiếp nhận từ xa xưa, gắn chặt với điều kiện sinh tồn của họ.



*Ngư dân biển Thanh Bình cào ngư
(1960. A. Tl)*

Thói quen kiêng kỵ thường ngày cho họ nhiều tin tưởng vào các động thái được cho là thuận buồm xuôi gió khi phải thực hiện như những điều ước muốn khi ra khơi. Sống chung với biển, khi ra khơi, đối mặt với sự nghiệt ngã của sóng to gió lớn, những trận bão thành linh kéo đến. Với sức lực của hai bàn tay hữu hạn trước bao la biển cả, chắc họ không thể tập trung hết mọi năng lực để vượt qua, nên những lần bão to sóng lớn như vậy, họ thường hao hụt cả người và tài sản. Mỗi chuyến ra khơi đi – về, họ luôn tâm niệm có được sự an lành. Thời trước, khi các điều kiện đoán định thời tiết, các phương tiện ra khơi an toàn chưa có được, ngư dân luôn trông cậy vào lực lượng siêu nhiên giúp họ, từ đó hình thành các lễ cúng, trong đó lễ cúng Ông tại mỗi gia đình nghề cá được xem là lễ quan trọng của dân vạn làng chài.¹⁰

¹⁰ Căn cứ vào hình dạng của đầu cá Ông, ngư dân phân biệt ba loài cá Ông chính: cá đầu tròn gọi là Ông Chuông, Ngài Chuông; cá đầu có mỏ dài như cá kìm gọi là Ông Kim, Ngài Kim; và loại có kỳ cao trên lưng như cây phướn gọi là Ông Phướn, Ngài Phướn. Do tín ngưỡng tâm linh về sự phù hộ của Thần, Phật nên cộng đồng ngư dân làm nghề đánh cá gọi các Ông bằng nhiều danh xưng tôn kính, tùy vào mỗi địa phương, như Cá Ngài, ông Nam Hải, Ông Lớn, Ông Cậu, Cô, Ông Lông, Ông Khôi, Ông Chuông, Ông Kim, Ông Phướn, Ông Sứa,... Cá voi như vị thần hộ mệnh giữa biển khơi đầy sóng gió và họ cúng kính khi gặp các Ông lụy để đền ơn.

Các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian thống nhất đưa ra tên gọi Lễ hội Cầu ngư. Lễ hội Cầu ngư, một cách gọi chung các thành tố nối tiếp nhau theo một trình tự diễn ra trong lễ hội: Lễ Nghinh Ông, Lễ giỗ Tiên hiền làng cá, cúng thần linh, lễ tế cá Ông, lễ Cầu ngư và kết thúc bằng nghi thức Hát bả trạo cùng với hò đưa linh.

Dân gian vẫn gọi Lễ tế Ông hoặc Lễ Cúng Ông.



Ngư dân (trước 1975), kéo lưới trên vũng Thùng (A., TL)

Những kiêng kỵ trở thành thói quen hằng ngày, hằng tháng, hằng năm, người ngư phủ không phải bận tâm hay thắc mắc. như việc chuẩn bị các loại ngư cụ ra khơi là rất quan trọng, khi phơi tấm / tay lưới hay giàn / bện mảnh, không ai được đi dưới giàn bện (đã mặc định một không gian trong không gian vũ trụ). Khi khiêng giàn mảnh, lưới xuống ghe tàu luôn phải có một người đi trước dẫn đường gọi một tín hiệu để tránh có người đi ngang qua trước mặt cản đường (dịch chuyển không gian thiêng ra đến biển). Người trong làng vạn không phải nhắc nhở khi gặp những trường hợp như vậy, họ tự giác cùng thực hiện những điều kiêng kỵ với nhau như mối quan hệ cần thiết trong nghề nghiệp. Khiêng tấm lưới, giàn mảnh xuống ghe tàu hễ gặp người có thai thì mọi việc phải dừng lại, phải bắt đầu lại từ đầu. Đoàn người xuống ghe tàu ra biển nếu có ai hỏi phía sau, thì chỉ trả lời mà không được ngoáy đầu lại như biểu hiện cảm xúc sự hối tiếc công việc mình làm. Người làng vạn kiêng phụ nữ chạm tay vào lưới vì không rõ vào thời điểm chạm tay vào, người ấy có *sạch* không! Nếu gặp phải những điều kiêng kỵ như vậy chắc chắn người dân làng vạn phải quay về nhà hoặc tiểu tiện, hoặc tắm, hoặc uống nước một lát,... xong (xem như đang ở nhà chưa thật sự khởi hành), sau đó mới trở lại ghe tàu. Những người đang thợ

tang người thân thì không được xuống ghe tàu vì mang theo hệ lụy, không nên vào ra bãi biển, nhớ khi người đi biển gặp phải thì trên biển dễ gặp phải việc xấu. Người đi dự đám tang xong, muốn xuống ghe tàu phải tắm gội người sạch sẽ, thay toàn bộ áo quần mới được bước xuống ghe tàu; hoặc tốt nhất không nên đến dự đám tang nào (nếu là đại tang, bấy giờ không ai trong gia đình tổ chức ra khơi, đi lộng). Khi xuống ghe tàu, nếu đội nón hay cầm nón trên tay mà gió thổi lật nón là điều không thể, bởi dân vạn quan niệm e rằng ghe tàu có thể bị gió thổi làm úp ghe. Đã lên ghe tàu chuẩn bị nhổ neo, mọi vật dụng trên ghe tàu đều phải đặt ngửa,...Điều kiêng kỵ đó giúp chủ ghe có được sự tự tin ra quyết định ra khơi.

Thực hiện nhiều kiêng cử trước cuộc hành trình dài ngày trên biển để làm ăn, mưu kế sinh tồn, họ đã chọn lọc mọi điều tốt đẹp có thể để hòa mình vào đại dương, xem biển đảo như nhà. Cho dù ngày nay đã dần loại bỏ một vài thành tố dân gian xem ra đã lỗi thời khỏi cuộc mưu sinh. Nhưng phần lớn các tập tục xưa nay vẫn giữ.

6. Vấn đề điều tra sưu tầm nghiên cứu trong một cộng đồng nghề cá đã có sự chuyển đổi sự phát triển là thế nào?

Cộng đồng ngư dân và chuyển đổi sinh kế tác động đến công việc điều tra nghiên cứu về văn hóa dân gian miền biển của các học giả, nhà nghiên cứu khi mà để làm ăn thuận lợi, xưa đi cái khó đừng mở lời than: *Làm ăn có cái rủi cái may, ...*nên những kiêng cử của ngư dân là sự vĩnh

hàng trong đời sống hiện thực, mặc dầu công nghiệp hóa hiện đại hóa tác động thế nào đi nữa, mặc dầu tàu to, công suất lớn không gian thiêng họ tạo ra cắt đứt tạm thời với không gian vũ trụ luôn là cái hằng thường. Điều chúng ta quan tâm hiện nay là cuộc sống ngư dân đang trải qua những thăng trầm – thịnh vượng – giảm sút. Nghề cá thời nay có luật chơi riêng, ngư dân vướng mắc vào nhiều quy định về khung pháp lý, về vệ sinh an toàn thực phẩm. Khi nhu cầu thị trường giảm sút việc đánh bắt cá bị đình đốn, có nơi giải tán nghề, dẫn đến mất làng nghề là chuyện đang diễn ra tại Thanh Khê, Đà Nẵng. Nghề cá đang từng bước nhường chỗ cho du lịch, bởi vì ngành du lịch chi phí ít, thu nhập cao, mở ra nhiều cơ hội nghề nghiệp. Sự suy giảm lao động tham gia nghề cá, các chức năng và tri thức về biển ngày mai một. Không gian làng biển bị thu hẹp. Ngư dân được đề nghị xả bản. Từ đó dẫn đến: 1/ Thay đổi không gian văn hóa – xã hội do tác động bên ngoài làng cá. 2/ Sự đổ vỡ cấu trúc của các liên kết bên trong làng cá, đó là giá trị văn hóa ngay trong gia đình, cá nhân ngư dân. 3/ Cộng đồng làng cá định hình theo các kiểu mẫu mới. 4/ Xã hội làng cá thay đổi.

Theo đó, *văn hóa biển Thanh Khê (hay của thành phố Đà Nẵng)* và *vấn đề sưu tầm nghiên cứu thế nào để đạt hiệu quả?*

Chúng ta phải quay lại tìm các phương pháp thích hợp và cách làm mới trong điều kiện cộng đồng nghề cá đã có sự chuyển đổi.

Theo tôi (không chỉ văn hóa biển mà cả văn hóa ruộng đồng và văn hóa miền núi cũng phải có phương pháp điền dã sưu tầm tương thích), ngoài phương pháp văn hóa học như lâu nay, điền dã xã hội học, các nhà nghiên cứu cần quan tâm vận dụng phương pháp của nhân học văn hóa phối hợp phương pháp liên ngành để thực hiện các bước điều tra nghiên cứu. Chúng ta coi trọng mọi nền văn hóa đều có những đặc sắc riêng, đa dạng, tránh không đánh giá chủ quan đối với nền văn hóa khác trong cùng khu vực. Bởi nói đến văn hóa không nói đến sự hơn thua mà tìm kiếm sự khác biệt trong văn hóa. Theo đó, chúng ta có thể so sánh sự khác nhau trong văn hóa. Văn hóa biển Việt Nam khác văn hóa biển Philippines, Myanmar,...

Điều nhận ra rằng AI¹¹ là công nghệ rất tiên tiến, có thể thực hiện bất kỳ điều gì chúng ta muốn, từ văn bản đến tranh, ảnh, cả giọng nói cũng có thể thay thế được,... Tuy thế, những dữ liệu có được mà AI đã lưu nhập hoàn toàn là cái đã có do con người thu nhận và cung cấp. AI có thể làm được một bài thơ, một bài văn, một bài nhận xét đánh giá một vấn đề, một văn bản nghiên cứu văn hóa dân gian sau khi đã nhận được các từ khóa mà người sử dụng phần mềm này cung cấp. Chỉ cần vài phút chúng ta có một bản nhận xét, đánh giá một bài thơ, bài văn hay một hình ảnh theo cách chúng ta cho trước trong từ khóa. Dẫu vậy, nhưng trong sưu tầm văn hóa dân gian, nếu chúng ta không tiếp

¹¹ AI: Artificial Intelligence: Trí tuệ nhân tạo. Đây là lĩnh vực khoa học máy tính, tập trung vào việc tạo ra các hệ thống và máy móc có khả năng thực hiện các tác vụ *đòi hỏi trí thông minh của con người*, như học hỏi, giải quyết vấn đề và nhận dạng ngôn ngữ. (Google).

cận thực tiễn văn hóa, thực tiễn các nghi lễ tín ngưỡng trong dân gian và rút ra từ thực tiễn những con số, những dữ liệu về quá trình diễn dã, không cung cấp từ khoa cho AI thì chắc AI cũng không có dữ liệu để viết giúp ta một tham luận về văn hóa biển được.

Theo đó, *tham dự* cùng đi làm biển (quan trọng) là cùng ăn, cùng ở, cùng làm mới hiểu hết được những diễn biến hay những thay đổi văn hóa – xã hội một làng nghề hay trong một gia đình nghề cá, cá nhân mỗi người làm biển. Từ đó mới có thể tạo nên quy trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian nghề biển và nghề biển là thế nào. Đây là cách làm người nội bộ, nhìn bằng con mắt của người trong cuộc. *Với phương pháp này, nhà nghiên cứu bằng mọi cách có thể tham gia vào mọi hoạt động của người dân vùng đối tượng quan sát (trong phạm vi họ cho phép), rồi thông qua những trải nghiệm của chính bản thân để cố gắng lý giải thêm những ngư dân đó đã hành động với cảm giác và suy nghĩ như thế nào, với ý nghĩa ra sao.* Theo đó, điều tra sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian trong điều kiện cộng đồng làng cá, gia đình nghề cá đã có sự chuyển đổi vẫn là quy trình then chốt để thấu nhận nguồn sáng dân gian trong văn hóa biển.



Tôi (chiều) đi sáng về (A.Tl)

Ngư dân đương đại tại Thanh Khê và không chỉ Thanh Khê mà còn cả ngư dân trên phạm vi thành phố Đà Nẵng và xa hơn thế, con người trong thời hiện đại coi trọng vật chất, bởi vật chất quyết định ý thức nên vật chất là quan trọng, then chốt. Ngày nay một chừng mức nào đó họ đã đưa phúc lợi lên hàng đầu nên hy sinh một mặt nào đó về mặt tâm linh cả cái thiêng gắn với điều phạm. Cũng bởi vì kinh tế, vì thu nhập hằng ngày. Ngư dân thời nay đi tìm phúc lợi nhiều hơn là tìm niềm tin vào cái hiển linh, nhưng không phải là hy sinh hay loại khỏi bản giá trị văn hóa tâm linh vùng biển. Người ta chạy theo phúc lợi nhiều hơn là duy trì và giữ mãi niềm tin ma thuật hay sự hiển linh của thần thánh. Đây là sự biến đổi cách nhìn về cái thiêng và phạm trong hành nghề biển già. Họ không thể và chưa bao giờ nghĩ đến việc từ bỏ niềm tin vào các đấng thần linh trong không gian cư trú và cả trong không gian linh thiêng khơi lộng. Họ tìm kiếm phúc lợi nên tạo tác nhiều ghe to thuyền lớn đủ sức vươn khơi đánh bắt nhiều hơn nữa phục vụ nhu cầu cuộc sống cộng đồng người miền biển và cho hết thảy mọi người. Vì thế mà đến mùa cá chuồn họ được người miền đồng bằng, miền núi cho hay: *Cá chuồn nhiều nhất Thanh Khê,...* vậy nên: *Mít non gởi xuống, các chuồn gởi lên*, là sự chuyển đổi để tạo nên của cải vật chất phục vụ đời sống

ngư dân. Đôi khi chính họ vi phạm các quy ước về thần linh mà chính ngư dân miền biển không tỏ vẻ nghi ngờ, bởi sự chuyển đổi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giao lưu khu vực và quốc tế ngày càng mạnh mẽ. Họ không thể chèo mái trên ghe câu, ghe rở mà cần thiết phải tạo tác những chiếc tàu to nhiều công suất để bám biển trong điều kiện máy móc hỗ trợ đắc lực và hiệu quả hơn nhiều lần so với hai cánh tay chèo hữu hạn. Và đó không chỉ của một cộng đồng ngư dân Thanh Khê mà cả các cộng đồng nghề biển khác nữa.

Cư dân nghề cá tại các làng chài ven biển Thanh Khê – Đà Nẵng xưa – nay của thành phố Đà Nẵng, nghề cá vẫn là nghề cha truyền con nối trong hoạt động kinh tế biển. Hy vọng sẽ tạo nên một trong những trung tâm nghề cá lớn như đã từng là thế./. (VVH, 7/2025).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hội Văn nghệ dân gian Đà Nẵng – Võ Văn Hòe chủ biên (2018), *Văn hóa dân gian miền biển Đà Nẵng*, NXB Đà Nẵng.
- Phan Thị Kim (2010), *Văn hóa miền biển Đà Nẵng*, NXB Dân Trí.
- Nguyễn Hà (2013), *Giới thiệu về biển đảo Việt Nam*, NXB. TT&TT.
- Viện Đông Á, nhiều tác giả (2010), *Biển với người Việt cổ*, NXB. TT&TT.
- Nhiều tác giả (2010), *Biển Đông và hải đảo Việt Nam*, NXB Tri Thức.
- Nguyễn Thế Anh (2008), *Kinh tế & xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn*, NXB, Văn học.
- Nhiều tác giả (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam – Đà Nẵng*, NXB. CTQG.
- Hội VNDG Đà Nẵng, (2014), *Văn hóa dân gian Đà Nẵng*, Sở TT&TT. TP Đà Nẵng.
- Hội VNDG Đà Nẵng, (2015), *Văn hóa dân gian Đà Nẵng*, Sở TT&TT. TP Đà Nẵng.

- Nhiều tác giả (2008), *Ca dao, dân ca đất Quảng*, NXB. Đà Nẵng.
- Đinh Thị Hựu (2011), *Tiếng địa phương trong ca dao vùng Quảng Nam – Đà Nẵng*, NXB. Văn hóa dân tộc.
- Võ Văn Hòe (2011), *Địa danh thành phố Đà Nẵng*, NXB. Đà Nẵng.
- Lê Thị Thu Hiền (2017), *Biến đổi tín ngưỡng của ngư dân ven biển Đà Nẵng trong quá trình đô thị hóa*, luận án TS.
- Nhiều tác giả (2019), *Kỷ yếu Hội thảo chuyên gia 2019 xây dựng mạng lưới di sản văn hóa phi vật thể biển. Chủ đề: Truyền thống biển – Thực hành và tín ngưỡng*. Hội An.
- GS.TS. Mai Ngọc Chừ (...), *Văn hóa biển miền Trung trong mối quan hệ với văn hóa biển Đông Nam Á*, vanhoahoc.com
- tinmoitruong.vn
- Tư liệu điền dã của Võ Văn Hòe./.